

Số: /QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học,
liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học
hình thức vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ - BTNMT, ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học.

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học, liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 594/QĐ-TĐHHN ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học, liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ TCCB-Bộ TNMT (để b/c);
- Vụ GDĐH-Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu VT, TTGD TX (2b).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC,
LIÊN THÔNG GIỮA TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH) theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, bao gồm các nội dung: tuyển sinh, tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học và liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (*Trường*).

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (*chương trình*) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình đào tạo được các khoa, bộ môn trực thuộc Trường xây dựng. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (*nếu có*), nội dung lý thuyết và thực hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ký ban hành các chương trình đào tạo.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Các học phần có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ (trừ một số học phần đặc thù như GDTC, QP-AN, thực hành, đồ án môn học), nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ trừ thực tập tốt nghiệp, khoá luận và đồ án tốt nghiệp. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của Trường.

2. Học phần có hai loại: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Học phần tương đương và học phần thay thế:

a) Hai học phần được coi là tương đương khi học phần này được phép tích lũy để thay cho một học phần kia trong chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành và ngược lại.

b) Học phần thay thế là một học phần sinh viên được phép tích lũy để thay thế cho một học phần khác nằm trong chương trình đào tạo. Học phần thay thế có thể được tổ chức giảng dạy để thay thế cho một học phần đã có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy tại Trường hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên đã thi không đạt.

Các học phần tương đương hoặc học phần thay thế do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở đề xuất của Bộ môn, Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) và Phòng Đào tạo nhằm bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo.

4. Điều kiện tham dự một học phần (xác định tại thời điểm xét đăng ký) được quy định trong chương trình đào tạo và trong danh bạ học phần, có thể bao gồm một hoặc nhiều yếu tố dưới đây.

a) Học phần điều kiện, bao gồm các loại sau:

- Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B thì sinh viên phải hoàn thành học phần A (kết quả đạt yêu cầu) mới được dự đăng ký học phần B.

- Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B thì sinh viên phải học xong (có thể chưa đạt) học phần A mới được đăng ký học phần B.

- Học phần song hành: Học phần A là học phần song hành của học phần B thì sinh viên phải học trước hoặc học đồng thời với học phần B.

b) Ngành học, chuyên ngành học của sinh viên.

c) Trình độ sinh viên (hệ đào tạo, sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai,...).

d) Số tín chỉ tích lũy của sinh viên.

e) Điểm trung bình tích lũy của sinh viên.

5. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp (gọi chung là khóa luận tốt nghiệp) tương đương 1 tuần liên tục.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tín chỉ của từng học phần được ghi trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Trung tâm GDTX phối hợp với phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu các học kỳ căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học và điều kiện cơ sở vật chất của lớp học.

Mỗi tiết học được tính là 50 phút.

Buổi sáng		Buổi chiều		Buổi tối	
Tiết 1	7h00 : 7h50	Tiết 6	12h30 : 13h20	Tiết 11	17h30 : 18h20
Tiết 2	7h55 : 8h45	Tiết 7	13h25 : 14h15	Tiết 12	18h25 : 19h15
Tiết 3	8h50 : 9h40	Tiết 8	14h20 : 15h10	Tiết 13	19h20 : 20h10
Tiết 4	9h50 : 10h40	Tiết 9	15h20 : 16h10	Tiết 14	20h15 : 21h05
Tiết 5	10h45 : 11h35	Tiết 10	16h15 : 17h05		

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (gồm học kỳ chính và học kỳ phụ mở trong học kỳ chính đó), với trọng số là số tín chỉ tương ứng của học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đạt điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 6. Đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh: Người dự tuyển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tùy theo trình độ dự tuyển, người dự tuyển phải có một trong các văn bằng dưới đây:

a) Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

3. Số lần tuyển sinh: Tuyển sinh đào tạo VLVH được tổ chức 2 lần/năm, mỗi lần có thể xét tuyển nhiều đợt nếu chưa tuyển đủ chỉ tiêu đã đăng ký.

4. Địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và các cơ sở liên kết ngoài địa điểm của Trường. Việc tổ chức tuyển sinh ngoài địa điểm của Trường phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép

Điều 7. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự tuyển

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển được quy định cụ thể tại chương trình khung VLVH của các ngành hoặc trong thông báo tuyển sinh hàng năm.

1. Ngành tốt nghiệp được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự tuyển khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục đào tạo hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự tuyển khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo hoặc chương trình

đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp được xác định là ngành khác với ngành dự tuyển khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo.

Điều 8. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp ngành gần, ngành khác với ngành đào tạo phải học bổ sung kiến thức ngành trước khi xét tuyển. Thí sinh phải đóng học phí các học phần bổ sung theo quy định của Trường.

2. Tổ chức học bổ sung kiến thức

a) Trung tâm Giáo dục thường xuyên lập danh sách những thí sinh thuộc nhóm ngành gần, ngành khác và sao bảng điểm, bằng tốt nghiệp gửi về khoa chuyên môn. Khoa chuyên môn xác định các môn học bổ sung kiến thức của các thí sinh và gửi về Trung tâm GDTX để thông báo đến các thí sinh.

b) Việc tổ chức học và thi bổ sung kiến thức được thực hiện theo đúng quy chế đào tạo đại học của Trường.

c) Sau khi tổ chức học và thi, các khoa, bộ môn gửi kết quả các môn học bổ sung theo mẫu chung của Trường về Trung tâm GDTX. Kết quả đánh giá các môn học bổ sung kiến thức theo quy định hiện hành của Trường về học chế tín chỉ.

d) Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận kết quả các học phần bổ sung kiến thức cho các thí sinh để lưu trữ hồ sơ đầu vào.

đ) Kết quả học bổ sung kiến thức của các thí sinh có giá trị đối với tuyển sinh VLVH trong 02 năm kể từ ngày được công nhận.

e) Thông tin việc tổ chức học bổ sung được thông báo trên website của Trường

Điều 9. Điều kiện dự tuyển và nguyên tắc xét tuyển

a) Đối với hệ liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Xét tuyển theo bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng

Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng có ngành đúng, ngành phù hợp với ngành dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng có ngành gần hoặc khác với ngành dự tuyển đã được công nhận kết quả các học phần bổ sung kiến thức theo Điều 8 của Quy chế này.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển bằng điểm trung bình chung toàn khóa trong bảng điểm cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).
- Xét tuyển lần lượt theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, nếu vượt chỉ tiêu mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên thí sinh đã có nhiều kinh nghiệm hơn trong công việc.

b) Đối với hệ liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học: Xét tuyển theo bảng điểm tốt nghiệp trung cấp

Điều kiện dự tuyển:

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp có ngành đúng, ngành phù hợp với ngành dự tuyển.
- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng có ngành gần hoặc khác với ngành dự tuyển đã được công nhận kết quả các học phần bổ sung kiến thức theo Điều 8 của Quy chế này.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển bằng điểm trung bình chung toàn khóa trong bảng điểm cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).
- Xét tuyển lần lượt theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, nếu vượt chỉ tiêu mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên thí sinh đã có nhiều kinh nghiệm hơn trong công việc.

c) Đối với hệ Đại học VLVH: Xét học bạ trung học phổ thông hoặc tương đương.

Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên; trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề. Người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở và đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa trung học phổ thông đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Có học lực từ trung bình trở lên.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển bằng điểm trung bình cộng năm cuối cấp cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).
- Xét tuyển lần lượt theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, nếu vượt chỉ tiêu mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên kết quả môn Toán lớp 12.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh phải được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website của Trường, thông tin trên báo và đăng trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm nhất 03 tháng trước ngày xét tuyển.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự tuyển; danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác được dự tuyển theo từng chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của chuyên ngành đào tạo; hồ sơ đăng ký dự tuyển; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch tuyển sinh; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh; khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

Điều 11. Đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ đăng ký tuyển sinh.

a) Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

- 01 túi hồ sơ đăng ký (theo mẫu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

- Bản sao giấy khai sinh
- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp
- Bản sao học bạ THPT hoặc tương đương (đối với hệ đại học VLVH 4 năm)
- Bản sao bảng điểm tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng (đối với hệ liên thông VLVH).

b) Thời gian nộp hồ sơ

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển chậm nhất là 15 ngày trước ngày xét tuyển. Riêng đối với thí sinh thuộc đối tượng ngành gần, ngành khác nộp hồ sơ chậm nhất là 30 ngày trước ngày xét tuyển.

- Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển được công bố công khai trên website của Trường.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

b) Phó chủ tịch Hội đồng: Phó hiệu trưởng.

c) Ủy viên thường trực, thư ký: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm GDTX

d) Các ủy viên: Trưởng hoặc Phó khoa liên quan trực tiếp đến kỳ tuyển sinh, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Thanh tra giáo dục và pháp chế.

2. Các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch Hội đồng, phó chủ tịch Hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Nhà trường.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và ban giúp việc cho Hội đồng.

Điều 13. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ban hành quyết định thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của Trường

2. Trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng ban hành quyết định phân lớp quản lý công nhận cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 14. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ

chức và hoạt động thanh tra tuyển sinh của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền. Hiệu trưởng thành lập đoàn thanh tra tuyển sinh căn cứ vào đề nghị của Phòng Thanh tra giáo dục và Pháp chế

2. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự tuyển không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Chương III

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 15. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học tại Trường được quy định như sau: Đào tạo trình độ đại học được thực hiện 4 năm đến 4,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 2,5 năm đến 3 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trung tâm GDTX kết hợp với Phòng đào tạo dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ, năm học.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình:

STT	Hệ đào tạo	Thời gian khóa học quy định	Thời gian hoàn thành chương trình tối đa
1	Đại học VLVH	4 năm - 4,5 năm	7 năm
2	Liên thông trung cấp lên đại học VLVH	2,5 năm – 3 năm	5 năm
3	Liên thông cao đẳng lên đại học VLVH	1,5 năm	3 năm

Quá thời gian quy định trên sinh viên sẽ bị xoá tên khỏi danh sách.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 16. Hồ sơ, tài liệu sinh viên

1. Sau khi đăng ký nhập học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại trường, hồ sơ sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ sinh viên do phòng Công tác sinh viên quản lý.

2. Tài liệu cấp cho sinh viên bao gồm:

- Thẻ sinh viên;

- Thời khóa biểu dự kiến;
- Quy chế học vụ;
- Tài khoản truy cập vào website “đăng ký học” của nhà trường.
- Thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 17. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

Sinh viên được sắp xếp vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo căn cứ vào nguyện vọng cá nhân và kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển trong kỳ tuyển sinh.

Điều 18. Tổ chức lớp học

a) Lớp học ổn định được tổ chức theo nhóm các học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hội sinh viên được tổ chức theo các lớp ổn định và duy trì trong cả khóa học.

b) Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần khác dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Điều 19. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi học kỳ, nhà trường thông báo danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc của từng học phần.

2. Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình. Ngoài ra, căn cứ vào chương trình đào tạo, từng sinh viên còn phải đăng ký học bổ sung các học phần khác theo quy định.

Điều 20. Đăng ký học lại hoặc học đổi

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Sinh viên được phép đăng ký học lại các học phần đã đạt điểm D^+ , D (đối với các học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học đổi sang học phần khác) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm cao nhất của lần học cuối cùng sẽ được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy vào thời điểm xét học tiếp hoặc xét tốt nghiệp.

4. Nhà trường không giới hạn số lần đăng ký học lại hoặc học đổi trong thời gian sinh viên được phép hoàn thành chương trình theo quy định. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học đổi trong học kỳ chính hoặc học kỳ phụ theo kế hoạch tổ chức đào tạo của nhà trường.

5. Thủ tục đăng ký học, số lần đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần đối với học phần học lại, học đổi cũng giống như đối với một học phần mới.

Điều 21. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi GVCN và các đơn vị liên quan trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của bệnh viện; Đối với việc nghỉ học thì nộp giấy xin nghỉ cho giáo viên giảng dạy; nghỉ thi thì nộp giấy xin hoãn thi đến Trung tâm GDTX (sau khi có ý kiến của Trưởng khoa).

Điều 22. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (KLTL), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Năm đào tạo	Liên thông trung cấp, cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học	Đại học vừa làm vừa học
a) Sinh viên năm thứ nhất	KLTL dưới 30 tín chỉ	KLTL dưới 30 tín chỉ
b) Sinh viên năm thứ hai	KLTL từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ	KLTL từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ
c) Sinh viên năm thứ ba	KLTL từ 60 tín chỉ trở lên	KLTL từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ
d) Sinh viên năm cuối		KLTL từ 90 tín chỉ trở lên

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ sẽ được tính vào kết quả học tập học kỳ chính tổ chức ngay trước học kỳ phụ hoặc học kỳ chính tổ chức song song với học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 23. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua Trung tâm GDTX xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của bệnh viện;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn có xác nhận của địa phương về việc chấp hành chế độ chính sách trong thời gian ở địa phương nộp Trung tâm GDTX thông qua GVCN trước thời gian bắt đầu học kỳ ít nhất một tuần.

Điều 24. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

Việc xét học vụ cho sinh viên được thực hiện vào cuối học kỳ chính và gồm:

1. Cảnh báo học tập:

Cảnh báo học tập là hình thức cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập yếu, đồng thời là cơ sở để Nhà trường xem xét điều kiện buộc thôi học.

Cảnh báo học tập có 3 mức: Mức 1, mức 2 và mức 3.

a) Cảnh báo học tập mức 1: áp dụng cho những sinh viên phạm một trong các điều kiện dưới đây:

- Điểm trung bình chung học kỳ (học kỳ chính và học kỳ phụ tổ chức tại học kỳ chính đó) đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo.

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa.

b) Cảnh báo học tập mức 2: áp dụng cho những sinh viên đã bị cảnh báo mức 1 nhưng kết quả học tập ở học kỳ chính liền sau không được cải thiện hoặc điểm trung bình chung học kỳ bằng 0.0

c) Cảnh báo học tập mức 3: áp dụng cho những sinh viên đã bị cảnh báo mức 2 nhưng kết quả học tập ở học kỳ chính liền sau không được cải thiện hoặc đã cảnh báo mức 1 nhưng điểm trung bình chung học kỳ bằng 0.0.

* Sinh viên đã bị cảnh báo học tập ở mức 1 hoặc mức 2, nếu trong lần xử lý học tập ở học kỳ liền sau được cải thiện thì mức cảnh báo sẽ được hạ xuống một mức.

2. Xử lý thôi học:

Sinh viên bị buộc thôi học, nếu phạm một trong những trường hợp sau:

- a) Không đăng ký học tập, tự ý bỏ học không có lý do trong học kỳ;
- b) Nhận cảnh báo học tập ở mức 3;
- c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường (được quy định tại khoản 3 điều 15 của Quy chế này);
- d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Chương IV

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 25. Quy định thời gian có mặt trên lớp

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành:

a) Sinh viên tham dự $\geq 70\%$ số tiết học của học phần và $\geq 70\%$ số giờ học của từng bài thực hành được tham dự kỳ thi kết thúc học phần;

b) Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học lý thuyết hoặc quá 30% số giờ học của từng bài thực hành hoặc có điểm đánh giá bài thực hành không đạt sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần, nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên tham dự $\geq 70\%$ số giờ học của từng bài và tất cả các điểm đánh giá đạt yêu cầu được tổng kết học phần. Trường hợp sinh viên không tham dự đủ 70% số giờ học của từng bài thực hành hoặc có điểm đánh giá bài thực hành không đạt yêu cầu sẽ nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

Điều 26. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính vì các lý do chính đáng, các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định. Kỳ thi phụ được tổ chức sau kỳ thi chính ít nhất 2 tuần.

2. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự tuyển một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính.

3. Sinh viên vắng mặt có lý do ở kỳ thi chính như: bị ốm, tai nạn phải có giấy xác nhận của bệnh viện hoặc lý do khách quan khác và được trưởng khoa quản lý sinh viên xác nhận gửi Nhà trường cho phép, được dự tuyển ở kỳ thi phụ. Điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

4. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

Điều 27. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

Theo quy định tổ chức thi của Trường

Điều 28. Đánh giá học phần

1. Cách xác định điểm trung bình các điểm trong kỳ:

a) Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

- Điểm trung bình các điểm trong kỳ là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi giữa học phần theo hệ số của từng loại điểm. Điểm trung bình các điểm trong kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Gồm các điểm kiểm tra kết quả học tập hàng ngày, điểm chuyên cần, điểm đánh giá phần thực hành. Đối với học phần dưới 4 tín chỉ có 02 điểm kiểm tra thường xuyên. Đối với những học phần từ 4 tín chỉ trở lên, ngoài điểm kiểm tra thường xuyên trên còn có điểm thi giữa học phần. Điểm kiểm tra thường xuyên lấy đến một chữ số thập phân.

- Điểm thi giữa học phần: Áp dụng cho các học phần có từ 4 tín chỉ trở lên. Thời điểm thi và nội dung thi do giáo viên giảng dạy lựa chọn trên cơ sở tổng hợp nội dung từ đầu học phần. Khoa, bộ môn phụ trách môn học tổ chức triển khai và thực hiện. Thời gian làm bài thi giữa học phần từ 60 đến 90 phút. Điểm thi giữa học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Trọng số xác định điểm tổng kết học phần: (Điểm trung bình các điểm trong kỳ tính trọng số 0,4; Điểm thi kết thúc học phần tính trọng số 0,6):

+ Điểm thi kết thúc học phần lấy đến một chữ số thập phân.

+ Điểm tổng kết học phần: Là trung bình cộng của điểm trung bình các điểm trong kỳ và điểm thi kết thúc học phần theo hệ số của từng loại điểm. Điểm tổng kết học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 ÷ 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và chuyển qua thang điểm chữ để tính điểm trung bình chung.

b) Đối với các học phần thực hành:

Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Điểm đánh giá các bài thực hành lấy đến một chữ số thập phân.

2. Cách loại điểm sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy:

a) Các loại điểm học phần được sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ:

- Điểm học phần của các học phần trong chương trình đào tạo của ngành học thứ nhất, được tổ chức trong học kỳ chính, do sinh viên đăng ký và học lần đầu. Nếu sinh viên đăng ký học lại học phần ở học kỳ phụ tổ chức ngay sau học kỳ

chính hoặc song song với học kỳ chính thì điểm cao nhất của lần học cuối sẽ được sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ của học kỳ chính đó.

- Điểm học phần do sinh viên đăng ký học đôi (Điều 20 của Quy chế này), học vượt trong học kỳ phụ được tổ chức ngay sau học kỳ chính hoặc song song với học kỳ chính.

- Sinh viên đã tích lũy đủ số tín chỉ và số học phần theo quy định cho nhóm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo, nếu đăng ký học thêm các học phần khác trong nhóm thì điểm học phần đạt được sẽ sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ. Sinh viên không muốn sử dụng kết quả học tập của các học phần học thêm để tính điểm trung bình chung học kỳ thì có thể làm đơn xin hủy học phần và gửi về Trung tâm GDTX, Phòng Đào tạo trước thời điểm xét học tiếp để điểm học phần đó không sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ.

b) Tính điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm cao nhất của lần học cuối cùng mà sinh viên tích lũy được qua các lần học được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy tại thời điểm xét học tiếp, xét tốt nghiệp.

Đối với các nhóm học phần tự chọn, số lượng học phần trong nhóm tự chọn sinh viên tích lũy được lớn hơn số lượng học phần quy định phải tích lũy trong nhóm tự chọn: Nhà trường sẽ sử dụng các học phần có điểm học phần cao nhất của lần học cuối, đủ số lượng học phần theo quy định của nhóm, để tính điểm trung bình chung tích lũy.

c) Trường hợp sinh viên đăng ký học các học phần ngoài chương trình đào tạo: Điểm học phần của các học phần không nằm trong chương trình đào tạo của ngành học, các học phần này thuộc chương trình đào tạo của ngành khác do sinh viên đăng ký học thêm, không sử dụng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy; Kết quả tích lũy được của các học phần học thêm sẽ không ghi trong bảng kết quả học tập, sinh viên có nhu cầu nhận chứng nhận hoàn thành các học phần này sẽ làm đơn và gửi Trung tâm GDTX, Phòng Đào tạo để cấp chứng nhận.

Điều 29. Cách tính điểm học phần

1. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)	Giỏi
B ⁺ (8,0 - 8,4)	} Khá
B (7,0 - 7,9)	
C ⁺ (6,5 - 6,9)	} Trung bình khá
C (5,5 - 6,4)	
D ⁺ (5,0 - 5,4)	} Trung bình yếu
D (4,0 - 4,9)	

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

2. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

3. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

4. Việc xếp loại ở mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần sinh viên bị ốm, tai nạn hoặc lý do khách quan khác không thể dự kiểm tra hoặc thi, được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên thiếu điểm bộ phận do không thể dự kiểm tra hoặc thi vì những lý do khách quan, được giảng viên chấp thuận.

Trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên có điểm I phải trả xong các nội dung còn nợ để được chuyển điểm. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

6. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm từ D trở lên trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận, bảo lưu kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

7. Các quy định đối với học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng :

a) Học phần Giáo dục thể chất:

- Thời gian có mặt trên lớp: Thực hiện theo qui định đối với học phần thực hành tại Khoản 2 Điều 19.

- Quy định cách tính điểm: Sinh viên đạt Điểm học phần từ 5,0 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10) được xếp loại đạt.

- Các sinh viên có Điểm học phần dưới 5,0 sẽ phải đăng ký học lại học phần.

b) Học phần Giáo dục Quốc phòng:

Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần theo quy định; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường sẽ được dự tuyển kết thúc học phần lần thứ nhất. Mỗi sinh viên phải dự tuyển đủ các học phần quy định trong chương trình.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần sau khi nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập môn học GDQP-AN là điểm trung bình chung tổng các điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; không tính kết quả học tập môn học GDQP-AN theo điểm chữ.

Điều kiện thi, số lần thi kết thúc học phần, điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục Quốc phòng–An ninh thực hiện qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 30. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B ⁺	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3
C ⁺	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2
D ⁺	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung tích lũy để xét cảnh báo, thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm cao nhất của lần học cuối.

Điều 31. Phúc tra và khiếu nại điểm

Điểm học phần phải được công bố trên website của khoa. Sinh viên có trách nhiệm tự kiểm tra điểm của mình và có quyền khiếu nại về điểm trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi công bố điểm. Sinh viên khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần phải có đơn phúc khảo theo mẫu thống nhất của Nhà trường. Phòng KT&ĐBCLGD có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên làm đơn và phối hợp với các khoa giải quyết theo quy định của Nhà trường.

Chương V

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 32. Thực tập cuối khóa, làm khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế được quy định như sau:

a) Làm khóa luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt tiêu chuẩn quy định của trường và đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp có khối lượng bằng 6 tín chỉ cho trình độ đại học;

b) Học và thi các học phần thay thế: sinh viên không thuộc diện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên đạt tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp nhưng không đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể về:

a) Các tiêu chuẩn sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm khóa luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm khóa luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, Hiệu trưởng giao cho trưởng khoa quản lý học phần bố trí thời gian làm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

Điều 33. Chấm khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định quy trình hướng dẫn và tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trong văn bản riêng.

2. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển sang thang điểm chữ theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 của Quy chế này.

Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải làm lại khóa luận tốt nghiệp.

Điều 34. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 22 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng – An ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Hoàn thành Chuẩn đầu ra theo Quyết định số 5014/QĐ-TĐHHN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Chuẩn đầu ra đối với sinh viên đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học và liên thông vừa làm vừa học trình độ đại học.

e) Có đơn gửi Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng đơn vị phụ trách đào tạo sinh viên vừa làm vừa học làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 35. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm TBC tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm TBC tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm TBC tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm TBC tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại, thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập, chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có) của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo học phần.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 37. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng cho tất cả các khóa đào tạo đại học và liên thông hệ vừa làm vừa học học theo học chế tín chỉ của Trường.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định./.